

Hiep Le & Jonathan Marks

New

International Phonetic Alphabet for Beginner

With 1 Audio CD 

Sách ngữ âm dành cho người mới bắt đầu



/dʒæm/



/'kɒfi/



/bæg/



/'hʌni/



/kæt/



THẾ GIỚI PUBLISHERS

THE GLOBE
PUBLISHER

International Phonetic Alphabet
for Beginner

Hiep Le &
Jonathan Marks

/a:/



/ai/





/aɪ/ is a long sound

How to read:

- Open your mouth widely and target to A - I (aɪ).
Your tongue should go back a bit into your mouth.

Example:



My /maɪ/



Buy /baɪ/



Fly /flaɪ/

/aɪ/ là một âm dài

Cách đọc:

- Miệng của bạn mở rộng, nâng lưỡi lên hướng về phía trước và tập trung đọc từ A - I (aɪ). Lưỡi của bạn hơi cong vào phía trong miệng





/eə/ is a long sound

How to read:

- Read like "ơ" sound in Vietnamese. Open your mouth into a half circle shape. Put your tongue in the back of your mouth and put your jaw down when you speak, relax your tongue and lips.

Example:



Chair /tʃeə(r)/



Hair /heə(r)/



Care /keə/



/eə/ là một âm dài

Cách đọc:

- Đọc giống âm “ơ” trong tiếng Việt. Mở miệng tạo thành hình tròn. lưỡi hướng vào phía trong miệng và cằm của bạn hạ xuống khi phát âm. Thư giãn lưỡi và môi khi bạn đọc âm này.



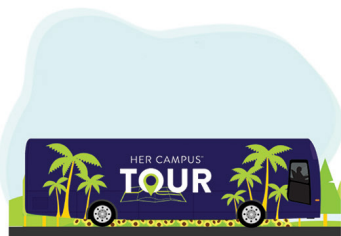


/ʊə/ is a long sound

How to read:

- Read like "ua" sound in Vietnamese. Your lips should be rounded into a tunnel shape, jaw dropped down and target to from "ʊ to ə".

Example:



Tour /tʊə(r)/



Sure /ʃʊə/



/ʊə/ là một âm dài

Cách đọc:

- Đọc giống âm "ua" trong tiếng Việt. Môi của bạn tạo thành hình đường hầm, cằm hạ xuống và tập trung vào âm "ʊ - ə"



/w/ is a short sound

How to read:

- To be read as "guo" in Vietnamese, similar to a very short "u" sound connect with "gu" in Vietnamese. Target to "w".

Example:



World /wɜ:ld/



Wolf /wʊlf/



Queen /kwi:n/

/w/ là một âm ngắn

Cách đọc:

- Được đọc giống âm "guo" trong tiếng Việt, có vẻ giống như âm "u" rất ngắn liên kết với âm "gu" trong tiếng Việt. Tập trung vào âm "w".

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Trụ sở chính:

Số 46, Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 0084.24.38253841 – Fax: 0084.24.38269578

Chi nhánh:

Số 7, Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel : 0084.28.38220102

Email: marketing@thegioipublishers.vn

Website: www.thegioipublishers.vn

International Phonetic Alphabet for Beginner (With 1 audio CD)

Sách ngữ âm dành cho người mới bắt đầu

Chịu trách nhiệm xuất bản

GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP

TS. TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập:	Bùi Hương Giang
Vẽ bìa :	Nguyễn Đức Huy
Trình bày :	Nguyễn Đức Huy
Sửa bản in:	Alexander Sutton, Nicole Findlay Nguyễn Đức Huy, Lê Thị Hiệp

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

Công ty TNHH Phát triển Giáo dục Quốc tế AMAIN

Địa chỉ: Số 07, ngõ 66 Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tel: (+84) 24 3212 3208 Mobile: 098 143 3046

Email: info@aied-co.com | www.aied-co.com

In 2.000 bản, khổ 29 cm x 21 cm tại Công ty Cổ phần Phát triển Thương hiệu Trần Gia
Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà Mipecc Tower, 229 Tây Sơn, P. Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Xưởng SX: 460 Trần Quý Cáp, Văn Chương, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Số xác nhận ĐKXB: 2805-2018/CXBIPH/06-211/ThG.
Quyết định xuất bản số: 917/QĐ-ThG cấp ngày 24 tháng 08 năm 2018.
In xong và nộp lưu chiểu năm 2018. Mã ISBN: 978-604-77-5044-3

Lê Thị Hiệp
Stuart Kewley (Oxford)



NEW

INTERNATIONAL ENGLISH PHONICS

INTERMEDIATE LEVEL

NGỮ ÂM TIẾNG ANH QUỐC TẾ
CẤP ĐỘ TRUNG CẤP

With 1
Audio CD



NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

INTRODUCTION

GIỚI THIỆU

Listening 1 - Nghe 1



VOWELS AND CONSONANTS

Nguyên âm và phụ âm

English alphabet

A, a	B, b	C, c	D, d	E, e	F, f	G, g
/eɪ/	/bi:/	/si:/	/di:/	/i:/	/ef/	/dʒi:/
H, h	I, i	J, j	K, k	L, l	M, m	N, n
/ertʃ/	/aɪ/	/dʒeɪ/	/keɪ/	/el/	/em/	/en/
O, o	P, p	Q, q	R, r	S, s	T, t	U, u
/oʊ/	/pi:/	/kju:/	/ɑ:r/	/es/	/ti:/	/ju:/
	V, v	W, w	X, x	Y, y	Z, z	
	/vi:/	/ˈdʌb·əl·ju/	/eks/	/waɪ/	/zed/	

International phonetic alphabet

VOWELS	MONOPHTHONGS				DIPHTHONGS		 Lead To Your Future Better http://www.aied-co.com	
	/ɑ:/ car /kɑ:(r)/	/ʌ/ bus /bʌs/	/æ/ cat /kæt/	/e/ dress /dres/	/aɪ/ try /traɪ/	/aʊ/ cow /kaʊ/		
	/i:/ sea /si:/	/ɪ/ sit /sɪt/	/ɜ:/ nurse /nɜ:s/	/ə/ open /'əʊpən/	/əʊ/ phone /fəʊn/	/eɪ/ pay /peɪ/		
	/ɔ:/ law /lɔ:/	/ɒ/ top /tɒp/	/u:/ shoe /ʃu:/	/ʊ/ look /lʊk/	/eə/ care /keə(r)/	/ɪə/ ear /ɪə(r)/		
CONSONANTS	/b/ ball /bɔ:l/	/d/ day /deɪ/	/ð/ those /ðəʊz/	/θ/ thing /θɪŋ/	/dʒ/ july /dʒu'laɪ/	/f/ flag /flæg/	/g/ green /gri:n/	/h/ happy /'hæpi/
	/j/ year /jɪə(r)/	/k/ key /ki:/	/l/ learn /lɜ:n/	/m/ math /mæθ/	/n/ noun /naʊn/	/ŋ/ single /'sɪŋgl /	/p/ pie /paɪ/	/r/ red /red/
	/s/ see /si:/	/ʃ/ she /ʃi:/	/ʒ/ joy /dʒɔɪ/	/t/ tea /ti:/	/tʃ/ march /mɑ:tʃ/	/v/ vest /vest/	/w/ wait /weɪt/	/z/ zebra /'zebrə/

Triphthongs

eɪə	aɪə	ɔɪə	əʊə	aʊə
player /'pleɪ.ər/	liar /'laɪ.ər/	loyal /'lɔɪ.əl/	mower /'məʊ.ər/	power /paʊər/

1. There are 26 letters in the English alphabet

Có 26 chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Anh

2. There are five vowel letters - A E I O U

Có 5 từ nguyên âm đó là A E I O U



3. These 26 letters can make 44 vowel and consonant sounds in English (see IPAB).

It consists of 12 monothongs, 8 diphthongs, and 24 consonants.

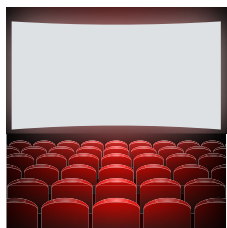
26 chữ cái này có thể tạo ra 44 âm, nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh. Trong đó có 12 nguyên âm đơn, 8 nguyên âm đôi và 24 phụ âm.



4. The number of letters can be the same as the number of sounds:

Số lượng chữ cái có thể bằng với số lượng âm của một từ:

Rest = r-e-s-t



5. The number of letters can be more than the number of sounds:

Số lượng chữ cái có thể nhiều hơn lượng âm của một từ:

Screen = s-c-r-ee-n (ee is one sound)
(ee là một âm)



6. The number of letters can be less than the number of sounds:

Số lượng chữ cái có thể ít hơn số lượng âm:

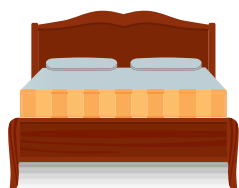
Mix = m-i-x (x is pronounced as k + s)
(x được phát âm như k + s)



7. Some letters can be silent:

Một vài chữ cái có thể là âm câm:

Listen = l-i-s-(t)-e-n (the t is not pronounced)
(chữ t không phát âm)



8. Some of the same sounds are written differently:

Một vài âm phát âm giống nhau nhưng có cách viết khác nhau:

B-e-d and d-ea-d have the same 'e' sound
but different spellings

Từ B-e-d và từ d-ea-d đều có âm 'e' nhưng viết khác nhau



9. Some words sound the same but are spelled differently (homophones)

Có vài từ nghe phát âm giống nhau nhưng viết khác nhau (đồng âm)

'No' and 'know' are both pronounced n-o

Từ 'No' và 'know' đều được phát âm là n-o

PRACTICE

Luyện tập



1. Count the number of sounds in the following words, and then fill the following columns with 1 syllable and 2 syllables words.

Đếm số lượng âm có trong những từ sau, sau đó điền vào cột những từ một âm tiết và hai âm tiết:

Apple, egg, ant, book, back, milk, open, close, bread, ring

1 syllable 1 âm tiết	2 syllable 2 âm tiết
ant	

2. In the groups below every word will have a common sound apart from one:

Trong các từ sau có 1 từ có phát âm khác với các từ còn lại:



Wine
/waɪn/



Bin
/bɪn/



Time
/taɪm/



Shine
/ʃaɪn/

- The word 'bin' has a short vowel sound but the others have a long vowel sound.

Từ 'bin' có nguyên âm ngắn /ɪ/ nhưng các từ còn lại có nguyên âm dài /aɪ/.

Now, find the different sound:

Tìm ra âm khác loại:

Example:

Ví dụ: Bit, finger, mint, mine, bin, thing

- Pot, hot, home, drop, bottle, stop
- Bet, test, address, empty, bean, vest
- Jumper, put, mum, pump, under, umbrella
- Ant, mat, band, hands, came, cats

3. Read each word and count the syllable, draw a slash '/' between the syllables:

Đọc các từ và đếm số âm tiết, vẽ dấu gạch chéo giữa các âm tiết:

Example:

Ví dụ: La/dy